

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính
không liên thông cấp tỉnh trong lĩnh vực Tiêu chuẩn đo lường chất lượng
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 129/TTr-SCT ngày 17 tháng 12 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này quy trình nội bộ giải quyết 11 thủ tục hành chính không liên thông cấp tỉnh trong lĩnh vực Tiêu chuẩn đo lường chất lượng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương.

Điều 2. Quyết định này sửa đổi, bổ sung Quyết định số 618/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực Tiêu chuẩn đo lường chất lượng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương.

Điều 3. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương và các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan căn cứ Quyết định này thiết lập quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh theo quy định.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Công Thương; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC);
- Bộ Công Thương;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- VNPT Gia Lai;
- Bưu điện tỉnh;
- Lưu: VT, XDCT, PVHCC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Hải Giang

**QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT 11 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH KHÔNG LIÊN THÔNG CẤP TỈNH
TRONG LĨNH VỰC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG THUỘC PHẠM VI
CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư/ Bộ phận chuyên môn (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường)	
Lĩnh vực Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (11 TTHC)								
1	STT 90 Mục IX, Phần A.I Quyết định số 618/QĐ-UBND ngày 10/7/2025	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định 2.001665.H21	04 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Phòng Kỹ thuật an toàn – Môi trường thuộc Sở Công Thương: 3,25 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn – Môi trường phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc. 2. Chuyên viên Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường giải quyết: 2,75 ngày làm việc. 3. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn – Môi trường thông qua kết	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 3188/QĐ-UBND ngày 24/12/2025

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư/ Bộ phận chuyên môn (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường)	
					quả: 0,25 ngày làm việc			
2	STT 89 Mục IX, Phần A.I Quyết định số 618/QĐ-UBND ngày 10/7/2025	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định 2.001675.H21	4,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Phòng Kỹ thuật an toàn – Môi trường thuộc Sở Công Thương: 3,75 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn – Môi trường phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc. 2. Chuyên viên Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường giải quyết: 3,25 ngày làm việc. 3. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn – Môi trường thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc.	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 3188/QĐ-UBND ngày 24/12/2025
3	STT 91 Mục IX, Phần A.I Quyết định	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm	07 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và	0,25 ngày làm việc	Phòng Kỹ thuật an toàn – Môi trường thuộc Sở Công Thương: 6,25 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Kỹ	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 3188/QĐ-UBND ngày 24/12/2025

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư/ Bộ phận chuyên môn (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường)	
	số 618/QĐ-UBND ngày 10/7/2025	1.001271.H21	hợp lệ		thuật an toàn – Môi trường phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc. 2. Chuyên viên Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường giải quyết: 5,75 ngày làm việc. 3. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn – Môi trường thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc			
4	STT 93 Mục IX, Phần A.I Quyết định số 618/QĐ-UBND ngày 10/7/2025	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm 2.000613.H21	04 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ	0,25 ngày làm việc	Phòng Kỹ thuật an toàn – Môi trường thuộc Sở Công Thương: 3,25 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn – Môi trường phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc. 2. Chuyên viên Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường giải quyết: 2,75	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 3188/QĐ-UBND ngày 24/12/2025

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư/ Bộ phận chuyên môn (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường)	
					ngày làm việc. 3. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn – Môi trường thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc.			
5	STT 92 Mục IX, Phần A.I Quyết định số 618/QĐ-UBND ngày 10/7/2025	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm 2.000618.H21	4,5 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ	0,25 ngày làm việc	Phòng Kỹ thuật an toàn – Môi trường thuộc Sở Công Thương: 3,75 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn – Môi trường phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc. 2. Chuyên viên Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường giải quyết: 3,25 ngày làm việc. 3. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn – Môi trường thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 3188/QĐ-UBND ngày 24/12/2025

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư/ Bộ phận chuyên môn (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường)	
6	STT 94 Mục IX, Phần A.I Quyết định số 618/QĐ-UBND ngày 10/7/2025	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định 1.000878.H21	05 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Phòng Kỹ thuật an toàn – Môi trường thuộc Sở Công Thương: 4,25 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn – Môi trường phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc. 2. Chuyên viên Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường giải quyết: 3,75 ngày làm việc. 3. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn – Môi trường thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc.	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 3188/QĐ-UBND ngày 24/12/2025
7	STT 96 Mục IX, Phần A.I Quyết định số 618/QĐ-UBND ngày 10/7/2025	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định 2.000251.H21	04 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Phòng Kỹ thuật an toàn – Môi trường thuộc Sở Công Thương: 3,25 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn – Môi trường phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc. 2. Chuyên viên Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường giải quyết: 3,00 ngày làm việc. 3. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn – Môi trường thông qua kết quả: 0,05 ngày làm việc.	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 3188/QĐ-UBND ngày 24/12/2025

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư/ Bộ phận chuyên môn (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường)	
					trường phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc. 2. Chuyên viên Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường giải quyết: 2,75 ngày làm việc. 3. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn – Môi trường thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc.			
8	STT 95 Mục IX, Phần A.I Quyết định số 618/QĐ-UBND ngày 10/7/2025	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định 2.000401.H21	05 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Phòng Kỹ thuật an toàn – Môi trường thuộc Sở Công Thương: 4,25 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn – Môi trường phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc. 2. Chuyên viên Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường giải quyết: 3,75 ngày làm việc.	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 3188/QĐ-UBND ngày 24/12/2025

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư/ Bộ phận chuyên môn (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường)	
					3. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn – Môi trường thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc.			
9	STT 97 Mục IX, Phần A.I Quyết định số 618/QĐ-UBND ngày 10/7/2025	Cấp chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận Giấy nhận hoạt động chứng nhận 1.001292.H21	07 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Phòng Kỹ thuật an toàn – Môi trường thuộc Sở Công Thương: 6,25 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn – Môi trường phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc. 2. Chuyên viên Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường giải quyết: 5,75 ngày làm việc. 3. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn – Môi trường thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc.	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 3188/QĐ-UBND ngày 24/12/2025

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư/ Bộ phận chuyên môn (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường)	
10	STT 99 Mục IX, Phần A.I Quyết định số 618/QĐ-UBND ngày 10/7/2025	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận 2.000624.H21	04 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Phòng Kỹ thuật an toàn – Môi trường thuộc Sở Công Thương: 3,25 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn – Môi trường phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc. 2. Chuyên viên Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường giải quyết: 2,75 ngày làm việc. 3. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn – Môi trường thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc.	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 3188/QĐ-UBND ngày 24/12/2025
11	STT 98 Mục IX, Phần A.I Quyết định số 618/QĐ-UBND ngày 10/7/2025	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận	4,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Phòng Kỹ thuật an toàn – Môi trường thuộc Sở Công Thương: 3,75 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn – Môi trường	0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 3188/QĐ-UBND ngày 24/12/2025

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo Sở (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư/ Bộ phận chuyên môn (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường)	
		2.000628.H21			trường phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc. 2. Chuyên viên Phòng Kỹ thuật an toàn - Môi trường giải quyết: 3,25 ngày làm việc. 3. Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn – Môi trường thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc.			
TỔNG SỐ: 11 TTHC								

* Các TTHC đã được cắt giảm thời gian giải quyết TTHC theo Quyết định số 2639/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thông qua Phương án cắt giảm thời gian giải quyết, chi phí tuân thủ thủ tục hành chính thuộc phạm vi, trách nhiệm thực hiện của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh Gia Lai.